

LỜI GIỚI THIỆU

[của ông Lê Xuân Ninh trong bản lược dịch “Tiểu sử Lạc-Viên”]^(*)

LẠC VIÊN (vườn vui) là biệt hiệu của tác giả tập hồi ký viết bằng chữ Hán này. Tên chính của tác giả là Tôn Thất Đàn.

Năm 1943 ở Huế, sau khi làm rẽ gia đình Lạc Viên, tôi được thấy trong tủ sách chữ Hán của ông nhạc để lại, một tập hồi ký do chính Ngài sáng tác với nhan đề là “Lạc Viên tiểu sử”. Năm đó, tôi mới bắt đầu học chữ Hán, nên chỉ hiểu đại khái, nhưng vì háo hức muốn tìm hiểu gia đình cho rõ thêm, nên tôi cố gắng đọc và thấy rõ giá trị phản ánh thời đại của nó về mặt xã hội và lịch sử, nên định sau này khi đã biết chữ Hán khá hơn, tôi sẽ đem ra xem lại và dịch ra cho mọi người trong gia đình cùng xem.

Nhưng tiếp theo thời kỳ nói trên là những diễn biến lịch sử dồn dập: Nhật đảo chính Pháp tháng 3/1945, Cách mạng tháng 8, tôi tạm biệt thành phố Huế về công tác ở Hà Tĩnh. Mãi cho đến kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Hiệp định Genève được ký kết, vợ tôi được về thăm quê nhà. Tập hồi ký của bố cũng như các sách chữ Hán khác đều đã bị thất lạc.

Nhưng mùa xuân năm 1975 đã đến với chiến dịch Hồ Chí Minh vĩ đại, miền Nam được giải phóng, nước nhà được thống nhất, anh chị em trong gia đình Lạc Viên lại đặt vấn đề tìm lại món “gia tài” vô giá kia. Tìm mãi vẫn chưa ra bản hoàn chỉnh mà tôi đã được thấy năm 1943. Chỉ mới thấy một bản nháp do tác giả phác thảo, nhưng lại không trọn bộ, chỉ gồm có 3 quyển: quyển 1, quyển 4 và một quyển không đánh số.

Bản nháp này phần nhiều viết tắt, chỗ thêm, chỗ bớt, chỗ xóa đi, chỗ lấy lại, rất khó đọc, không như bản tôi đã thấy năm 1943, chữ viết to lại viết theo lối chân phương, giấy thì vừa trắng vừa dày đọc rất dễ. Nghe vợ tôi bảo là tác giả đã thuê người chép từ bản nháp ra. Tập hoàn chỉnh này được đóng thành nhiều quyển có đánh số thứ tự, nhưng tôi không nhớ rõ cả thấy là bao nhiêu quyển.

Bản nháp này đòi hỏi một người có trình độ Hán học cao, am hiểu cách đọc lối chữ viết thảo, cách viết chữ Nôm, vì tên người, tên đất, tên phiên âm tiếng Pháp đều viết bằng chữ Nôm.

Một sự may mắn hiếm có là tôi có một người bạn chí thân là anh Phan Đăng Tài, am hiểu Hán học và có một vốn văn hóa chung khá cao, nên tôi đã nhờ bạn xem và dịch hộ.

* Bản “Tiểu sử Lạc-Viên” do nhà nghiên cứu Phan Đăng Tài lược dịch, được đánh máy và đóng thành tập để lưu truyền trong gia đình. Lời giới thiệu này được chúng tôi trích nguyên văn theo bản đánh máy vào tháng 4/1980.

Mặc dầu tuổi đã già, sức khỏe cũng chẳng lấy gì làm tốt cho lắm, nhất là đôi mắt đục nhân phải mổ, bạn lại đang còn bận công tác với một nhóm nghiên cứu văn học dân gian, nhưng bạn đã vui lòng nhận lời và chỉ sau hai tháng, bạn đã hoàn thành công việc khó khăn đó. Thật là quý hóa quá! Mong bạn nhận ở đây lòng biết ơn chung vô cùng chân thành của gia đình Lạc Viên chúng tôi.

Bạn cho biết cách dịch của bạn là: lược bớt các chi tiết tỉ mỉ, chỉ ghi những sự kiện chính yếu. Xem hết một đoạn nguyên văn dăm trang, rồi xếp lại tóm tắt nội dung. Thỉnh thoảng khi cần nhấn mạnh một chi tiết mới xem lại để ghi cho kỹ.

Bạn nói: “Xin thú thật với anh lúc đầu, đứng trước một bản nháp khó đọc như vậy, tôi cũng không hào hứng cho lắm, nhưng càng đọc càng thấy thú vị. Nhất là đối với một ông quan mà lâu nay đồng bào Nghệ Tĩnh chúng ta phê phán gay gắt, tôi nghĩ đây chẳng qua cũng chỉ là phường “giá áo túi cơm” như đa số bọn quan lại hồi Pháp thuộc mà thôi. Ngờ đâu, càng đọc càng thấy ông là một con người có bản lĩnh. Tất nhiên cách nhìn về chính trị của một nhà Nho cách đây một thế kỷ thì làm sao cho khỏi bị hạn chế bởi tư tưởng Khổng Mạnh! Muốn đánh giá một con người cho đúng thì phải xét bối cảnh lịch sử, những điều kiện xã hội lịch sử, trong đó người ấy sống và hoạt động, nếu không thì dễ có những nhận định vội vã, phiến diện, máy móc không đúng.”

Tôi cho bạn nghĩ như vậy là rất khách quan, chí lý, và như vậy là việc nhờ bạn dịch bản tiểu sử này, tôi đã làm đúng phương châm “chọn mặt gửi vàng” vậy.

Ba quyển tiểu sử kể về ba quãng thời gian gián đoạn trong cuộc đời của tác giả:

- Quyển 1: từ thuở bé đi học đến lúc được bổ ra làm quan lần đầu tiên.
- Quyển 4: từ lúc đã làm Tham tri Bộ Hình được ít lâu cho đến lúc đang làm Tổng đốc An-Tĩnh thì về kinh dự lễ tang vua Khải Định.
- Quyển không đánh số (mà dịch giả ước đoán là quyển 5, bị mất mấy trang đầu): từ lúc đưa con trai thứ, Tôn Thất Lập chết vì tai nạn ô tô đến lúc can vua Bảo Đại cưới vợ Công giáo.

Sau khi đối chiếu với dương lịch các thời điểm ghi trong nguyên văn theo âm lịch hoặc theo niên hiệu nhà vua, thì thấy:

- Quyển 1 tương ứng với thời gian 1871-1903 (từ bé đến 31 tuổi);
- Quyển 4 tương ứng với thời gian 1921-1926 (từ 49 đến 54 tuổi);
- Quyển không đánh số là khoảng 1926-1934 (từ 54 đến 62 tuổi).

Tức là thiếu mất: từ 1903 đến 1921 (18 năm) và từ 1934 đến lúc tác giả qua đời năm 1936, năm sinh của cậu con út Tôn Thất Tương.

Tiếc thay đó lại là hai thời kỳ tràn đầy sự kiện liên quan đến những diễn biến lịch sử khá thú vị của nước ta mà quyển hồi ký này có thể cung cấp cho nhà nghiên cứu biết bao là tư liệu bổ ích.

Mặc dù thế, chúng ta cũng đã nắm được một số nét về bản lĩnh của một con người luôn luôn biết bảo vệ nhân phẩm của mình và chẳng có gì đáng làm cho con cháu hổ thẹn. Và nhờ vậy đã có thể xóa đi bao nỗi mặc cảm, tự ti lâu nay cứ lẩn quẩn trong đầu óc chúng ta.

Để cho bà con dễ theo dõi trật tự thời gian trong tiểu sử, tôi đã ghi thẳng vào bản dịch (đặt trong dấu ngoặc đơn) những năm dương lịch tương ứng với các năm âm lịch và niên hiệu nhà vua. Đồng thời, để cho con cháu thế hệ sau này dễ hiểu hơn, tôi đã chú thích những từ ngữ thông dụng hồi đó nhưng nay đã lạc hậu khó hiểu.

Điều mong ước trên hết là bà con trong gia đình chúng ta tìm cho ra tập tiểu sử hoàn chỉnh của tác giả. Tôi nghĩ rằng tập sách quý đó vẫn đang còn thất lạc đâu đây, chứ chưa bị tiêu hủy hẳn đâu. Vì chẳng ai có lý do gì mà đốt, xé hoặc chôn nó đi trong lúc những sách vở chữ Hán khác vẫn còn nguyên vẹn.

Trong tiểu sử có nói đến một tập thơ chữ Hán và một tập nhật ký sang Pháp bằng chữ Quốc ngữ do tác giả viết. Vậy rồi đây nếu anh chị em con cháu tác giả kiên trì sưu tầm bằng được tập tiểu sử hoàn chỉnh này thì cũng nên chú ý tìm luôn cả hai tập thơ và nhật ký ấy để giữ làm kỷ niệm thì thật không có gì quý giá hơn !

Hà Nội, tháng 4 năm 1980

Lê Xuân Ninh